TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 280/2025/DS-PT Ngày: 06-6-2025 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Nguyễn Thế Hồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 141/2024/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1714/2025/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trương Thị T1, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Số D, khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Hải Đ, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Lê Hải Đ, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2024 và các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa,người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Trương Thị Tiến trình B:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 02/4/2022, ông Nguyễn Thanh T có cho ông Lê Hải Đ mượn số tiền là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng. Khi mượn thì ông Lê Hải Đ có làm giấy mượn tiền và ký tên xác nhận nợ. Mục đích ông Đ mượn tiền của ông T là để đặt cọc mua nhà và hứa trong một năm sẽ trả tiền lại cho ông T. Hết thời gian một năm, ông T đến tìm ông Đ để lấy lại số tiền ông Đ đã mượn nhưng ông Đ không trả mà cứ hẹn lần lựa.

Do đó nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Hải Đ có trách nhiệm trả cho ông T số tiền tổng cộng là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng. Ông T không yêu cầu tính lãi. Số tiền này ông T cho ông Đ mượn không có vợ ông Đ ký nhận nên chỉ yêu cầu ông Đ trả, không yêu cầu vợ ông Đ liên đới.

** Theo biên bản hòa giải, cũng như tại phiên tòa bị đơn - ông Lê Hải Đ trình bày:*

Ông Đ thừa nhận chữ ký trong biên nhận mượn tiền ngày 02/4/2022 do ông T cung cấp là chữ ký là của ông Đ. Tuy nhiên ông Đ cho rằng đây không phải là tiền ông Đ mượn của ông T để mua nhà như phía ông T trình bày mà số tiền nợ trên là do ông chơi bài bạc thiếu nợ ông T nên sau này mới viết biên nhận mượn tiền. Theo ông Đ thì nếu ông T thừa nhận đây là tiền nợ do bài bạc thì ông Đ đồng ý trả, còn nếu cho rằng đây là tiền mượn dùng vào mục đích mua nhà thì ông Đ không đồng ý trả số nợ 700.000.000 đồng theo yêu cầu của ông T.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 141/2024/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T.

1. Buộc ông Lê Hải Đ có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền nợ là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

Ghi nhận ông T không yêu cầu tính lãi số tiền nợ trên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Lê Hải Đ phải nộp số tiền án phí là 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng.

H lại cho ông Nguyễn Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0006208 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và thi hành bản án.

Ngày 07/01/2025, bị đơn ông Lê Hải Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và cho rằng không đồng ý trả lại tiền cho ông T, không đồng ý đóng án phí vì số tiền đó là tiền đánh bạc (chơi số đề) chứ không phải tiền vay mượn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn – ông Lê Hải Đ giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của phía bị đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hải Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2024/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Lê Hải Đ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Lê Hải Đ kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Lê Hải Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy mượn tiền mà ông T cung cấp vào ngày 02/04/2022 thể hiện ông Đ có vay của ông T số tiền 700.000.000 đồng có chữ ký xác nhận của ông Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án phía ông Đ thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền đề ngày 02/04/2022 là chữ ký của ông Đ ký nhận. Tuy nhiên ông cho rằng đây là tiền nợ cờ bạc chứ không phải tiền mượn để đặt cọc mua nhà như phía ông T trình bày cho nên ông không đồng ý trả cho ông T số tiền nợ nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có ra văn bản yêu cầu ông Đ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền nợ mà ông T khởi kiện là tiền nợ do cờ bạc. Ông Đ có cung cấp chứng cứ là văn bản người làm chứng đề ngày 28/11/2024 có chữ ký của ông T2. Qua làm việc với ông T2 là người làm chứng trong việc ông Đ thiếu tiền nợ ông T tuy nhiên phía ông T2 cho rằng việc ông Đảo nợ tiền của ông T như thế nào thì ông T2 không rõ. Sau này ông Đ có đến trình báo ở chỗ ông T2 là ông Đ có thiếu nợ cho ông biết, còn việc ông Đảo nợ cụ thể như thế nào thì ông T2 không biết. Ông Đ không có chứng cứ nào khác để chứng minh đây là số tiền nợ do cờ bạc nên không có cơ sở để xem xét lời trình bày của ông Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy biên nhận mượn tiền đề ngày 02/04/2024 có chữ ký của ông Đ, trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ cũng thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là chữ ký của ông. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của bị đơn – ông Đ cũng như những lời trình bày, tranh luận tại phiên tòa xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Đ là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Vì vậy, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hải Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 141/2024/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T.

1. Buộc ông Lê Hải Đ có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền nợ là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

Ghi nhận ông T không yêu cầu tính lãi số tiền nợ trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Lê Hải Đ phải nộp số tiền án phí là 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng.

H lại cho ông Nguyễn Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0006208 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Hải Đ phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006469 ngày 09/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng TT, KT&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Phận